

Bản án số: 67/2023/HS-ST
Ngày 18- 5 - 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thăng

Ông Dương Viết Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải -Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2023/TLST-HS, ngày 25 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên **NGUYỄN MẠNH T**, sinh năm: 1995

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: TDP Q, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1972 và bà: Ngô Thị N, sinh năm 1974; Vợ, con: Chưa có; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền sự: Không có

Tiền án:+ Tại bản án số 389/2012/HSST ngày 28/9/2012 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Tại bản án số 31/2013/HSST ngày 20/3/2013 Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”. Tổng hợp với bản án số 389/2012/HSST ngày 28/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 04 năm 06 tháng tù. Bị cáo Tùng chấp hành xong án phạt tù ngày 24/11/2016.

+Tại bản án số 75/2018/HSST ngày 06/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Bị cáo chấp hành án phạt tù xong ngày 27/6/2019.

+Tại bản án số 06/2020/HSST ngày 15/01/2020 Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo chấp hành án phạt tù xong ngày 19/10/2022.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1999

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

(Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng: 1. Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1981

Trú tại: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Thái S, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/02/2023, NGUYỄN MẠNH T, sinh năm 1995, trú tại TDP Q, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên một mình đi bộ từ nhà đến khu vực Tổ 2, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để tìm xem ai có tài sản sơ hở sẽ trộm cắp. Khi Tùng đi ngang qua Tòa án nhân dân huyện P thì thấy cổng Tòa án mở, bên trong nhà xe có 03 - 04 chiếc xe mô tô để ở đó và không có người trông coi. Tùng đi vào khu vực nhà xe thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, BKS: 98B2-692.97, màu sơn trắng – đen – bạc là xe của anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1999, trú tại Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang hiện là cán bộ đang làm việc tại Tòa án nhân dân huyện P. Quan sát xung quanh thấy không có ai ở đó, Tùng đi đến vị trí chiếc xe mô tô trên rồi lấy từ trong túi quần phía trước bên trái ra 01 bộ vạm phá khóa hình chữ “T” đã chuẩn bị từ trước. Tùng dùng hai tay cầm vạm và chọc đầu vạm được đập bẹp vào ổ khóa điện của chiếc xe mô tô trên. Tùng xoay vạm theo chiều kim đồng hồ thì bẻ được ổ khóa. Sau đó, Tùng dắt chiếc xe mô tô này ra cổng Tòa án nổ máy điều khiển xe về hướng

Trường tiểu học thị trấn H, huyện P, đi ra đường Quốc lộ 37 xuống huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tùng điều khiển xe đến một nhà nghỉ thuộc huyện H, tỉnh Bắc Giang, Tùng gửi xe cho chủ quán để vay số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, Tùng bắt xe khách về huyện P và tiêu sài hết số tiền trên.

Về phía anh Hiếu sau khi phát hiện xe mô tô bị mất nên đã làm đơn trình báo Công an huyện P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/02/2023, Tùng đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi của mình đồng thời tự nguyện giao nộp các đồ vật gồm: 01 bộ vạm phá khóa hình chữ “T” gồm 01 thanh kim loại hình chữ “T” dài 18,5cm, có phần rỗng giữa hình lục giác, bên ngoài có quần băng dính màu đen và một thanh kim loại hình lục giác dài 08cm, một đầu được mài dạng bẹt, đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu đen, gắn móc “bahaogongguan”, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) quần bò, màu đen, gắn móc “FASHION”, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) đôi giày màu trắng, trên thân in dòng chữ “NIKE”, thân giày có biểu tượng nhãn hiệu màu đen – vàng, cũ đã qua sử dụng.

Ngày 16/02/2023, cơ quan CSĐT Công an huyện P ra yêu cầu định giá tài sản số 10 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P định giá đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, BKS: 98B2-692.97 mà Tùng trộm cắp. Ngày 20/02/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P đã ra kết luận định giá tài sản số 11, kết luận: chiếc xe mô tô mà Tùng trộm cắp nêu trên có trị giá 11.833.333 đồng.

Tại cơ quan điều tra NGUYỄN MẠNH T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị can Tùng là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo; Vật chứng thu giữ; Kết luận định giá tài sản; Lời khai của người bị hại; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, BKS: 98B2-692.97, màu sơn trắng – đen – bạc. Hiện nay vẫn chưa truy tìm được.

+ 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu đen, gắn móc “bahaogongguan”, size; 01 chiếc quần bò, màu đen, gắn móc “FASHION”, size 29; 01 đôi giày nhãn hiệu “NIKE”, màu trắng cùng kích cỡ, thân giày có biểu tượng nhãn hiệu màu đen – vàng. Tất cả đều cũ đã qua sử dụng được niêm phong vào thùng bìa cát tông ký hiệu T;

+ 01 bộ vạm phá khóa hình chữ “T” gồm 01 thanh kim loại hình chữ “T” dài 18,5cm, có phần rỗng giữa hình lục giác, bên ngoài có quần băng dính màu đen và một

thanh kim loại hình lục giác dài 08cm, một đầu được mài dạng bẹt, đã qua sử dụng được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS2A 070428.

Hiện những vật chứng nêu trên đang được bảo quản tại kho vật chứng chờ xử lý.

Về phần trách nhiệm dân sự: Anh Hiếu là người bị hại yêu cầu bị cáo Tùng phải bồi thường chiếc xe mô tô cho anh Hiếu theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKS-PB ngày 24/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố NGUYỄN MẠNH T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo NGUYỄN MẠNH T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt NGUYỄN MẠNH T từ đến năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Hiếu trình bày quan điểm đề nghị bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản, bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của anh Hiếu, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không còn giá trị sử dụng: 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu đen, gắn mác “bahaogongguan”, size; 01 chiếc quần bò, màu đen, gắn mác “FASHION”, size 29; 01 đôi giày nhãn hiệu “NIKE”, màu trắng cùng kích cỡ, thân giày có biểu tượng nhãn hiệu màu đen – vàng. Tất cả đều cũ đã qua sử dụng được niêm phong vào thùng bìa cát tông ký hiệu T; 01 bộ vạm phá khóa hình chữ “T” gồm 01 thanh kim loại hình chữ “T” dài 18,5cm, có phần rỗng giữa hình lục giác, bên ngoài có quần băng dính màu đen và một thanh kim loại hình lục giác dài 08cm, một đầu được mài dạng bẹt, đã qua sử dụng được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS2A 070428.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Hồi 15 giờ ngày 13/02/2023, tại tổ 2, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. NGUYỄN MẠNH T lợi dụng sơ hở lén lút dùng vạm phá khóa để thực hiện trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu sơn trắng, đen, bạc BKS: 98B2-692.97 trị giá 11.833.333 đồng của anh Nguyễn Minh H để tại khu vực sân nơi để xe cho cán bộ làm việc tại Tòa án nhân dân huyện P. Sau khi lấy được xe Tùng điều khiển xe xuống huyện H, tỉnh Bắc Giang cầm cố, ký gửi cho anh Nguyễn Tiến T lấy 3.000.000 đồng. Số tiền trên Tùng đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện tài sản chưa thu hồi lại được. Giá trị tài sản mà Tùng đã trộm cắp chiếm đoạt được xác định là **11.833.333** đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Tùng tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Tùng là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên buộc phải nhận thức và biết được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Trước thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lần này, bị cáo đã nhiều lần bị kết án. Tại bản án số 06/2020/HSST, ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong án phạt tù vào ngày 19/10/2022, tại bản án này đã xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lần này bị cáo chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố

bị cáo NGUYỄN MẠNH T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm

...

g) Tái phạm nguy hiểm.”

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là trụ sở Tòa án, là cơ quan thực thi pháp luật, điều đó thể hiện tính chất hành vi phạm tội của bị cáo hết sức manh động và táo bạo. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo xuất thân từ gia đình lao động thuần nông, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lần này bị cáo đã nhiều lần có hành vi vi phạm pháp luật và đã bị xét xử kết tội bằng nhiều bản án. Thế nhưng, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội, điều đó thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu và coi thường pháp luật. Nguyên nhân dẫn đến phạm tội Hội đồng xét xử xác định do bị cáo mắc nghiện ma túy, không chịu lao động để tạo ra thu nhập nên đã nảy sinh trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo ra đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc gia đình và không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản theo giá trị tài sản Hội đồng định giá đã xác định, bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận trên. Do vậy, bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Việt số tiền là **11.833.333** đồng.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 46, 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Đối với những vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu đen, gắn mác “bahaogongguan”, size; 01 chiếc quần bò, màu đen, gắn mác “FASHION”, size 29; 01 đôi giày nhãn hiệu “NIKE”, màu trắng cùng kích cỡ, thân giày có biểu tượng nhãn hiệu màu đen – vàng. Tất cả đều cũ đã qua sử dụng được niêm phong vào thùng bìa cát tông ký hiệu T; 01 bộ vam phá khóa hình chữ “T” gồm 01 thanh kim loại hình chữ “T” dài 18,5cm, có phần rỗng giữa hình lục giác, bên ngoài có quấn băng dính màu đen và một thanh kim loại hình lục giác dài 08cm, một đầu được mài dạng bẹt, đã qua sử dụng được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS2A 070428 cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Trong vụ án này có anh Nguyễn Tiến T là người nhận cầm cố, ký gửi chiếc xe mô tô do Tùng trộm cắp mà có. Tuy nhiên khi mang xe cầm cố, ký gửi thì Tùng nói chiếc xe mô tô trên là của Tùng. Do đó cơ quan CSĐT Công an huyện P không có căn cứ để xử lý đối với anh Thành.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và những vấn đề khác của vụ án là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

[10] Cần áp dụng Điều 329 của BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo NGUYỄN MẠNH T với thời hạn 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 329, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo NGUYỄN MẠNH T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt NGUYỄN MẠNH T (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 14/02/2023.

3. Ra quyết định tạm giam bị cáo NGUYỄN MẠNH T với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại tài sản giữa bị cáo và bị hại. Cụ thể như sau: Bị cáo NGUYỄN MẠNH T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Minh H số tiền 11.833.333 đồng (Mười một triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, anh Hiếu có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị cáo Tùng không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

- Tịch thu tiêu hủy những vật chứng gồm: 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu đen, gắn mác “bahaogongguan”, size; 01 chiếc quần bò, màu đen, gắn mác “FASHION”, size 29; 01 đôi giày nhãn hiệu “NIKE”, màu trắng cùng kích cỡ, thân giày có biểu tượng nhãn hiệu màu đen – vàng. Tất cả đều cũ đã qua sử dụng được niêm phong vào thùng bìa cát tông ký hiệu T; 01 bộ vạm phá khóa hình chữ “T” gồm 01 thanh kim loại hình chữ “T” dài 18,5cm, có phần rỗng giữa hình lục giác, bên ngoài có quần băng dính

màu đen và một thanh kim loại hình lục giác dài 08cm, một đầu được mài dạng bẹt, đã qua sử dụng được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS2A 070428.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày /5/2023 giữa Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

6. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và đồng () án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt bị cáo (NGUYỄN MẠNH T), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Bị cáo, BH;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy

